

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 30/3/2025 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	160.516
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	42.242
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	2.080
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	40.162
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	118.274
-	Thu bổ sung cân đối	88.225
-	Thu bổ sung có mục tiêu	30.049
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
VI	Tăng thu thường xuyên	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	160.516
	Tổng chi cân đối ngân sách xã	160.516
1	Chi đầu tư phát triển	29.450
2	Chi thường xuyên	128.727
3	Dự phòng ngân sách	2.339

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026
ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 30/3/2025 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	160.516
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	42.242
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	118.274
-	Thu bổ sung cân đối	88.225
-	Thu bổ sung có mục tiêu	30.049
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	160.516

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 30/3/2025 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS Xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	62.300	42.242
	Thu nội địa	62.300	42.242
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	14.500	7.250
2	Thuế thu nhập cá nhân	2.000	1.000
3	Lệ phí trước bạ	4.000	2.000
4	Thu phí, lệ phí	1.000	1.000
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80	80
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	970	412
7	Thu tiền sử dụng đất	37.700	29.450
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	1.000
9	Thu khác ngân sách	50	50
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 30/3/2025 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Chia ra
			Ngân sách cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	160.516	160.516
	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ	160.516	160.516
I	Chi đầu tư phát triển	29.450	29.450
1	Chi đầu tư cho các dự án	29.450	29.450
	Trong đó chia theo lĩnh vực:		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	128.727	128.727
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	52.345	52.345
III	Dự phòng ngân sách	2.339	2.339

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2026 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 30/3/2025 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	160.516
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	160.516
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	29.450
1	Chi đầu tư cho các dự án	29.450
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	128.727
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.633
2	Chi y tế, dân số và gia đình	6.736
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	535
4	Chi Sự nghiệp tài nguyên môi trường	1.000
5	Chi các hoạt động kinh tế	9.873
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.458
7	Chi bảo đảm xã hội	26.672
8	Chi sự nghiệp An ninh	370
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	1.559
10	Chi Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	150
11	Chi khác	741
III	Dự phòng ngân sách	2.339

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG=I+II	113.297.429	0	113.297.429	0	0	0	0	0	0
I	Kinh phí đã phân bổ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã	109.281.429	0	109.281.429	0	0	0	0	0	0
1	Văn phòng HĐND- UBND xã	40.296.367		40.296.367						
2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	523.000		523.000						
3	Văn phòng Đảng ủy	7.095.636		7.095.636						
4	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4.150.817		4.150.817						
5	Trường Mầm non Kỳ Hoa	6.097.381		6.097.381						
6	Trường Mầm non Kỳ Tân	8.002.136		8.002.136						
7	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khô tiểu học)	8.426.651		8.426.651						
8	Trường Tiểu học Kỳ Tân	13.424.822		13.424.822						
9	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khô trung học)	6.379.581		6.379.581						
10	Trường THCS Kỳ Tân	12.956.038		12.956.038						
11	Ban chỉ huy quân sự xã	1.559.000		1.559.000						
12	Công an xã Kỳ Hoa	370.000		370.000						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Kinh phí phân bổ đợt này	4.016.000	-	4.016.000	-	-	-	-	-	-
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-75.000		-75.000						
2	Trạm Y tế xã	4.091.000		4.091.000						

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 30/3/2025 của UBND xã)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG=I+II	113.297.429	55.314.689	370.000	1.559.000	6.636.000	240.000	1.000.000	448.000	100.000	448.000	22.146.740	25.583.000	0
I	Kinh phí đã phân bổ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã	109.281.429	55.314.689	370.000	1.559.000	2.545.000	240.000	1.000.000	523.000	100.000	523.000	22.146.740	25.583.000	0
1	Văn phòng HĐND- UBND xã	40.296.367	28.080			2.545.000	240.000	1.000.000		100.000		10.900.287	25.583.000	
2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	523.000							523.000		523.000			
3	Văn phòng Đảng ủy	7.095.636										7.095.636		
6	Trường Mầm non Kỳ Tân	8.002.136	8.002.136											
7	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối tiểu học)	8.426.651	8.426.651											
8	Trường Tiểu học Kỳ Tân	13.424.822	13.424.822											
9	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối trung học)	6.379.581	6.379.581											
10	Trường THCS Kỳ Tân	12.956.038	12.956.038											
11	Ban chỉ huy quân sự xã	1.559.000			1.559.000									
12	Công an xã Kỳ Hoa	370.000		370.000										
II	Kinh phí phân bổ đợt này	4.016.000	0	0	0	4.091.000	0	0	-75.000	0	-75.000	0	0	0
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-75.000							-75.000		-75.000			
2	Trạm Y tế xã	4.091.000				4.091.000								